

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Anh

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hải -Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê -tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2018 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thi L - sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thi L trình bày: chị và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 16/10/2009, tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ

chồng ở chung với bố mẹ anh T và làm ruộng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng với nhau về quan điểm sống, và trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình, anh T ghen tuông vô cớ, nhiều lần vợ chồng đã đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/ 2013 đến nay, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Kiều L - sinh ngày 02/3/2011, hiện nay đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

-Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chưa chấp hành pháp luật, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 180, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị Kiều L - sinh ngày 02/3/2011, anh T không phải cấp dưỡng, vì chị L không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời bày của nguyên đơn tại tòa cho thấy, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, tháng 8/2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan đến nhau. Tòa án đã thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng anh T không có mặt. “Bố đẻ anh T cho biết thỉnh thoảng anh T vẫn gọi điện về nhà và cũng biết được việc chị L xin ly hôn chị, nhưng do anh đi làm ăn ở xa không về tòa án giải quyết được”, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung Hoàng Thị Kiều L - sinh ngày 02/3/2011, hiện nay đang ở với chị L. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T không quan tâm chăm sóc đến con chung, để đảm bảo sự ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của cháu L, nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh T không phải cấp dưỡng, vì chị L không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu lệ phí thông tin.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 180, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị Kiều L - sinh ngày 02/3/2011, anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng,

vì chị L không yêu cầu. Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 2.880.000 lệ phí thông tin, xác nhận chị L đã nộp đủ.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 008120 ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự
- UBND xã Tạ Xá;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Dân